

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4377 /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2015

V/v cho ý kiến kiểm tra đối với Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ CH A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan

Kính gửi: Bộ Ngoại giao.

Trên cơ sở mối quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa hai nước, ngày 14/11/2014, Đại sứ quán nước Cộng hòa A-déc-bai-gian đã gửi Công hàm số 265/14 về nội dung Dự thảo Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ CH A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan.

Bộ Tài chính đã có công văn số 620/BTC-TCHQ ngày 16/1/2015 lấy ý kiến của các Bộ ngành liên quan (Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các Bộ ngành, Bộ Tài chính đã xây dựng lại dự thảo Hiệp định để đảm bảo sự phù hợp với thẩm quyền theo pháp luật hiện hành và điều kiện thực tế của Hải quan Việt Nam.

So với bản chào của Bạn, sau khi xin ý kiến các Bộ ngành, Bộ Tài chính thấy rằng không có sự khác biệt đáng kể nào. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ thực hiện phê duyệt chủ trương đàm phán Hiệp định, nội dung của Hiệp định và thực hiện ký kết với phía Bạn nhân chuyến thăm của Chủ tịch nước tại A-déc-bai-gian vào thời gian tới.

Bộ Tài chính cho rằng các nội dung dự thảo Hiệp định phù hợp với thẩm quyền theo pháp luật hiện hành của Hải quan Việt Nam, không có quy định trái với nội dung của các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam tham gia như Công ước Kyoto sửa đổi, Công ước HS, các cam kết trong khuôn khổ WTO. Dự thảo Hiệp định có thể áp dụng trực tiếp toàn bộ mà không cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện Hiệp định sau khi ký.

Theo quy định của Luật ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế 2005, Bộ Tài chính đề nghị Quý Bộ cho ý kiến kiểm tra đối với dự thảo Hiệp định; và cho ý kiến đối với bản dịch tiếng Việt.

Bộ Tài chính mong nhận được ý kiến kiểm tra bằng văn bản và gửi về Tổng cục Hải quan (địa chỉ: Lô E3, đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Fax: 39440645. trước ngày 17/4/2015 để kịp xúc tiến các thủ tục tiếp theo.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./

Tài liệu gửi kèm:

- Dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc ký kết Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ CH A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan;

- Bảng tổng hợp ý kiến các Bộ ngành về việc ký kết Hiệp định và bản sao;

- Dự thảo Hiệp định đã được hai bên thống nhất nội dung và bản dịch tiếng Việt (chưa chính thức).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHQ (9b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**ĐỖ HOÀNG ANH TUẤN**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2015

**TỜ TRÌNH**

Về việc ký kết Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  
và Chính phủ Cộng hòa A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau  
trong các vấn đề về hải quan

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ các nội dung liên quan đến Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan, như sau:

**1. Sự cần thiết và mục đích đàm phán và ký kết Hiệp định.**

Cộng hòa A-déc-bai-gian là một nước thuộc Liên bang Xô Viết trước đây và tuyên bố độc lập từ ngày 30/8/1991. A-déc-bai-gian được Ngân hàng Thế giới đánh giá là một 10 quốc gia có nhiều cải cách nhất thế giới đã áp dụng cơ chế 1 cửa quốc gia, và được xếp hạng về môi trường kinh doanh cạnh tranh cao trong khu vực. Các ngành công nghiệp chủ chốt của: khai thác và lọc dầu, các chế phẩm dầu mỏ, chế tạo thiết bị lọc dầu, sản xuất sắt thép, hoá chất và hoá dầu, dệt may. Việt Nam công nhận độc lập của A-déc-bai-gian ngày 27/12/1991. Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 23/9/1992 và duy trì quan hệ hữu nghị truyền thống. Về quan hệ thương mại, trong một số năm trở lại đây, xuất nhập khẩu trực tiếp giữa hai nước bắt đầu tăng lên đạt hơn 422 triệu USD vào năm 2014. Số liệu cụ thể về kim ngạch hai chiều giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian theo bảng thống kê dưới đây:

**Đơn vị tính: USD**

Năm	Nhập khẩu	Xuất khẩu
2010	32.603.000	2.131.000
2011	68.000	7.805.000
2012	5.008.000	24.187.000
2013	324.462.000	56.885.000
2014	348.821.000	73.591.000

Năm 2014, Lãnh đạo hai nước đã nhất trí tăng cường trao đổi đoàn các bộ, ngành, đặc biệt là khối kinh tế, các đoàn doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động xúc tiến

thương mại để mở rộng thị phần hàng hóa của Việt Nam tại A-déc-bai-gian và ngược lại, phấn đấu đưa kim ngạch hai chiều lên mức 1 tỷ USD vào những năm tới.

Ủy ban Hải quan Nhà nước A-déc-bai-gian là cơ quan trực thuộc chính phủ có các chức năng thực hiện thu ngân sách, tạo thuận lợi và đảm bảo an ninh cho thương mại với các đối tác trên thế giới, ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, đấu tranh phòng chống vận chuyển trái phép các chất ma túy và hàng cấm qua biên giới nhằm mục tiêu cuối cùng là đảm bảo lợi ích sức khỏe cộng đồng, an ninh kinh tế và an ninh quốc gia. So với một số nước thuộc Liên Xô trước đây, Hải quan A-déc-bai-gian đã có bước phát triển vượt bậc trong hiện đại hóa với việc ứng dụng cao về công nghệ thông tin và thực hiện cơ chế một cửa quốc gia.

Về hợp tác giữa hải quan hai nước, đến nay hai Bên chưa ký kết thỏa thuận hợp tác song phương nào. Tuy nhiên, cả Việt Nam và A-déc-bai-gian đều là thành viên của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO), thời gian qua hải quan hai nước thông qua cơ chế thành viên của WCO cũng đã thực hiện một số hoạt động hợp tác liên quan đến trao đổi kinh nghiệm về hiện đại hóa.

Trong bối cảnh các mối quan hệ chính trị, kinh tế thương mại, giáo dục đào tạo giữa hai nước đang được đẩy mạnh, việc thiết lập mối quan hệ hợp tác hải quan thông qua việc đàm phán và ký kết hiệp định hợp tác và trợ giúp lẫn nhau giữa hai nước trong lĩnh vực hải quan có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo dựng một môi trường thuận lợi và đảm bảo an toàn an ninh cho thương mại, đầu tư, đi lại giữa nước, đồng thời giúp cơ quan hải quan của hai bên chia sẻ kinh nghiệm nghiệp vụ và hỗ trợ lẫn nhau trong các vấn đề hải quan.

## **2. Nội dung chính của dự thảo Hiệp định theo bản chào của bạn.**

Trên cơ sở kết quả các chuyến thăm làm việc của Lãnh đạo cấp cao hai nước vừa qua, trong đó có việc nhất trí xúc tiến đàm phán các thỏa thuận nhằm thúc đẩy và tạo thuận lợi thương mại song phương, Chính phủ A-déc-bai-gian thông qua kênh ngoại giao đã gửi bản chào Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan để khởi động đàm phán và tiến đến ký kết. Các nội dung chính như sau:

Phần mở đầu của Hiệp định ghi nhận nhận thức chung của hai bên về mục đích mục tiêu và tầm quan trọng của việc hợp tác và trợ giúp trong lĩnh vực hải quan.

Điều 1: Định nghĩa.

Điều 2: Phạm vi hiệp định quy định việc hỗ trợ lẫn nhau giữa hai bên nhằm ngăn chặn, điều tra và đấu tranh chống các vi phạm hải quan đảm bảo cho việc áp dụng đúng đắn pháp luật hải quan tại mỗi nước đồng thời đảm bảo tạo thuận lợi cho thương mại song phương hợp pháp. Phạm vi của Hiệp định thực hiện trong lãnh thổ quốc gia của mỗi bên ký kết và trong khuôn khổ chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan hải quan.

Điều 3: Tạo thuận lợi về thủ tục hải quan.

- Điều 4: Các hình thức hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau
- Điều 5: Giám sát hàng hóa và phương tiện vận tải
- Điều 6: Biện pháp chống việc vận chuyển trái phép hàng hóa nhạy cảm
- Điều 7: Trao đổi thông tin khác
- Điều 8: Thông tin về hàng hóa, người và phương tiện vận tải
- Điều 9: Tài liệu và chứng từ
- Điều 10: Yêu cầu
- Điều 11: Sử dụng thông tin và tin tức tình báo
- Điều 12: Các trường hợp từ chối hỗ trợ
- Điều 13: Hình thức và cách thức gửi yêu cầu hỗ trợ
- Điều 14: Chi phí
- Điều 15: Thực hiện
- Điều 16: Lãnh thổ áp dụng
- Điều 17: Sửa đổi và bổ sung
- Điều 18: Giải quyết bất đồng
- Điều 19: Hiệu lực và Chấm dứt hiệu lực.

### **3. Tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký, người đại diện ký, ngôn ngữ, hiệu lực, hình thức hiệu lực, thời hạn hiệu lực của Hiệp định**

Tên gọi: Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan;

Hình thức: Hiệp định;

Danh nghĩa ký: Chính phủ;

Người ký: Đại diện Lãnh đạo Bộ Tài chính được Chính phủ ủy quyền.

Ngôn ngữ: Tiếng Anh, Tiếng -déc-bai-gian và Tiếng Việt

Hiệu lực: Vào ngày các Bên nhận được thông báo cho nhau bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục trong nước để Hiệp định này có hiệu lực.

Thời hạn hiệu lực: Vô thời hạn.

### **4. Các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ Hiệp định đối với nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;**

Nội dung Dự thảo Hiệp định không có điều khoản nào trái với quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Hải quan; Luật Quản lý Thuế; Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, và các luật, pháp lệnh khác do Quốc hội và Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành. Nội dung Hiệp định không trái với các quy định hiện hành về quản lý nhà nước về Hải quan.

Các quy định của Dự thảo Hiệp định về cơ bản đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế. Sau khi các văn bản trên có hiệu lực có thể được áp dụng trực tiếp

toàn bộ, không đặt ra yêu cầu bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện Hiệp định.

Nội dung của Dự thảo Hiệp định này không có các quy định trái với nội dung của các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam tham gia như Công ước Kyoto sửa đổi, Công ước HS, các cam kết trong khuôn khổ WTO.

## **5. Đánh giá tác động chính trị, kinh tế - xã hội**

### **a. Về mặt pháp lý.**

Hiệp định tạo nền tảng pháp lý cho thiết lập mối quan hệ chính thức và triển khai hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa hai quan hai nước trong phạm vi quyền hạn, chức năng và nguồn lực của mỗi bên.

Hiệp định tạo cơ sở cho việc chủ động trao đổi thông tin liên quan đến các vấn đề nghiệp vụ hải quan không thuộc danh mục bí mật quốc gia.

Nội dung của Hiệp định phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, không có điều khoản nào trái với các quy định hiện hành, không ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên ký kết, không đòi hỏi phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện.

### **b. Về mặt kinh tế, chính trị và xã hội.**

Về mặt chính trị, Hiệp định này góp phần thúc đẩy mối quan hệ đối tác hợp tác giữa hai nước đang được xúc tiến tăng cường trong thời gian vừa qua.

Về mặt kinh tế, quan hệ kinh tế thương mại trong những năm gần đây có bước phát triển tích cực. Tuy nhiên, kim ngạch thương mại hai chiều vẫn còn khiêm tốn, chưa xứng với tiềm năng lợi thế và nguồn lực giữa hai nước. Việc ký Hiệp định này sẽ góp phần thúc đẩy các biện pháp tạo thuận lợi về mặt thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai nước, đấu tranh phòng chống các vi phạm hải quan, góp phần thu đúng thu đủ các khoản thu cho ngân sách, qua đó tạo môi trường thuận lợi, an ninh, an toàn cho hoạt động thương mại đầu tư kinh doanh giữa hai nước, đóng góp vào việc phát triển kinh tế xã hội tại mỗi nước.

## **6. Ý kiến của Bộ Tài chính và các Bộ ngành:**

Thực hiện Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Tài chính đã nghiên cứu dự thảo bản chào của bạn và lấy ý kiến của các Bộ: Ngoại giao, Tư pháp, Công Thương, Công an, Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư. Về cơ bản, các Bộ ngành nhất trí với chủ trương đàm phán, ký kết Hiệp định. Bộ Tài chính đã tiếp thu các ý kiến tham gia và có giải trình một số điểm cụ thể theo Bảng tổng hợp ý kiến kèm theo.

Bộ Tài chính trình kèm theo đây bản sao các công văn góp ý của các Bộ ngành nói trên.

## **7. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao**

### **7.1. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:**

*Về sự cần thiết: ...*

*Về tính hợp hiến và mức độ phù hợp với pháp luật Việt Nam: Điều 7 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005.*

*Về nội dung dự thảo Hiệp định:*

*Về khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần Hiệp định:*

*Về thủ tục ký kết Hiệp định:*

*Về dự thảo Tờ trình Thủ tướng:*

*Bộ Tài chính trình kèm ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại công văn số ....*

*7.2. Ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao:*

*Về sự cần thiết:*

*Về danh nghĩa ký, cấp ký và hình thức văn bản*

*Đánh giá sự phù hợp của Hiệp định với các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế:*

*Về nội dung cụ thể:*

*Về dự thảo tờ trình Chính phủ:*

*Về thủ tục:*

*Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến của Bộ Ngoại giao và trình kèm ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao tại Công văn số.....*

## **8. Đề xuất:**

Trên cơ sở nội dung của Hiệp định, ý kiến các Bộ ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính báo cáo và trình Thủ tướng Chính phủ:

1. Duyệt chủ trương đàm phán Hiệp định, nội dung của Hiệp định và thực hiện ký kết với phía Bên nhân chuyến thăm của Chủ tịch nước tại A-déc-bai-gian vào thời gian tới.

2. Duyệt nội dung dự thảo Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa A-déc-bai-gian về hợp tác và trợ giúp lẫn nhau trong các vấn đề về hải quan;

3. Ủy quyền cho Lãnh đạo Bộ Tài chính thay mặt cho Chính phủ ký Hiệp định này;

4. Giao Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục ủy quyền cần thiết để ký kết Hiệp định này.

5. Sau khi ký kết, căn cứ vào quy định hiện hành, Bộ Tài chính sẽ thực hiện các thủ tục trình Chính phủ phê duyệt Hiệp định.

Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để báo cáo);
- Các Bộ: Ngoại giao, Tư pháp, Công an; Quốc phòng; Công Thương; Kế hoạch Đầu tư;
- Vụ HTQT (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, TCHQ (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)



**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BỘ NGÀNH  
HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM  
VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CH A-ĐÉC-BAI-GIAN  
VỀ HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ HÀNH CHÍNH LẤN NHAU VỀ CÁC VẤN ĐỀ HẢI QUAN**

STT	Đơn vị	Ý kiến đóng góp	Ý kiến của TCHQ
1	Bộ Tư pháp	<p><b>1. Về sự cần thiết của việc ký kết Hiệp định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Tư pháp nhất trí việc ký kết Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-đéc-bai-gian là cần thiết nhằm thiết lập mối quan hệ hợp tác chính thức giữa Hải quan hai nước để tạo thuận lợi cho thương mại song phương.</li> <li>- Dự thảo Hiệp định phù hợp với Luật Hải quan năm 2014, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ về thi hành Luật hải quan; Hiến chương ASEAN năm 2007 và các cam kết của Việt Nam với WTO.</li> </ul> <p><b>2. Về nội dung dự thảo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần nhắc khái niệm “Pháp luật hải quan” tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Hiệp định để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật trong nước có liên quan.</li> </ul>	<p><b>Tiếp thu và bổ sung vào thành</b> :“Pháp luật hải quan”: là các quy định pháp lý và hành chính hoặc bất kể các chế độ hải quan nào khác do cơ quan Hải quan của các Bên ký kết thực thi có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh bao gồm các quy định liên quan đến thủ tục hải quan, thuế hải quan, các loại phí và các loại thuế khác được cơ quan Hải quan áp dụng</p>

		<p>- Trao đổi với phía A-déc-bai-gian xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian.</p> <p>- Về việc chấm dứt hiệu lực Hiệp định, cần bổ sung thêm quy định về việc giữ nguyên hiệu lực của các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực hải quan giữa các bên đang triển khai khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực nhằm thúc đẩy thương mại song phương giữa hai nước.</p> <p>- Rà soát tổng thể các điều khoản của dự thảo Hiệp định để đảm bảo tính logic, chặt chẽ, ví dụ:  + Điều 4 có tiêu đề: “Các hình thức và hỗ trợ lẫn nhau”. Điều này chỉ quy định về việc trao đổi thông tin, trong</p>	<p>hoặc thu và các biện pháp cấm, hạn chế và kiểm soát.  Và bản tiếng Anh sửa thành: “...and means of transport on entry, exit or in transit including the provisions related to customs procedures, customs duties, taxes and other charges applied or collected by Customs Authorities and pertaining to measures of prohibition, restriction and control.”</p> <p><b>Tiếp thu.</b> Tuy nhiên, việc xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện Hiệp định sẽ được thực hiện sau khi Hiệp định được ký kết và có hiệu lực.</p> <p><b>Tiếp thu và bổ sung</b> thêm thành Khoản 3 Điều 20 như sau: “<i>Việc chấm dứt thực hiện Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các hoạt động hợp tác đang được thực hiện theo thỏa thuận trước ngày chấm dứt</i>” (The termination of this Agreement shall not affect the implementation of ongoing programs which have been agreed upon prior to the date of such termination.)</p> <p><b>Tiếp thu và gộp</b> Điều 14 thành Khoản 3 Điều 4.</p>
--	--	---	---

		<p>khi việc hợp tác, hỗ trợ còn diễn ra dưới nhiều hình thức khác nữa như cung cấp hỗ trợ kỹ thuật (Quy định tại Điều 14 dự thảo Hiệp định).</p> <p>+ Điều 5 đến Điều 9 dự thảo Hiệp định quy định về các trường hợp cung cấp các loại thông tin khác nhau. Tuy nhiên, riêng Điều 7 dự thảo Hiệp định lại có tiêu đề chung là cung cấp thông tin. Tên gọi của Điều 7 chưa thực sự hợp lý. Cần chỉnh sửa cho phù hợp.</p> <p><b>3. Về thủ tục ký kết Hiệp định:</b> Thực hiện theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 (Điều 12, Điều 20, Điều 27)</p>	<p><b>Tiếp thu:</b> Do nội dung các Điều 6, 7, 8, 9 đều đề cập đến việc trao đổi thông tin nhưng mỗi Điều khoản quy định việc trao đổi một loại thông tin đặc thù khác nhau. Do đó, TCHQ tiếp thu và <i>sửa lại tên Điều 7 thành “Trao đổi thông tin khác”</i></p> <p><b>Tiếp thu</b></p>
2	<b>Bộ Ngoại giao</b>	<p>Nhất trí với chủ trương đàm phán, ký Hiệp định.</p> <p><b>1. Về nội dung dự thảo Hiệp định</b></p> <p>Điều chỉnh lại một số từ, cụm từ, tiêu đề trong dự thảo Hiệp định cho phù hợp giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất sử dụng thuật ngữ “Bên”, “các Bên” trong bản tiếng Việt để phù hợp với bản tiếng Anh hoặc thống nhất sử dụng thuật ngữ “Contracting Party”, “Contracting Parties” trong bản tiếng Anh để phù hợp với bản tiếng Việt;</li> <li>- Điều 1: thống nhất sử dụng cụm từ “có nghĩa là” sau các thuật ngữ được định nghĩa;</li> <li>- Khoản 5 Điều 1 bản tiếng Việt: thay cụm từ “công chứng” bằng cụm từ “chứng thực” để phù hợp hơn với bản tiếng Anh và quy định hiện hành của Việt Nam về chứng thực, công chứng;</li> <li>- Khoản 1 Điều 2 bản tiếng Anh: thay cụm từ “the Customs Authorities of their States” bằng cụm từ “their</li> </ul>	<p><b>Tiếp thu và chỉnh sửa lại bản tiếng Việt và tiếng Anh theo đề nghị của Bộ Ngoại giao</b></p>

Customs Authorities” để phù hợp với bản tiếng Việt;

- Khoản 1 Điều 3 bản tiếng Việt: sửa cụm từ “hai quốc gia Ký kết” thành “các Bên ký kết”;
- Khoản 1 Điều 10 bản tiếng Việt: bỏ cụm từ “của quốc gia”, tại bản tiếng Anh bỏ cụm từ “of the State”;
- Điều 18 bản tiếng Việt: sửa lại thành “Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung với sự nhất trí của các Bên ký kết. Các sửa đổi và bổ sung được thực hiện bằng các nghị định thư riêng biệt, các nghị định thư này là một phần không tách rời của Hiệp định và có hiệu lực theo thủ tục quy định tại Điều 20” để phù hợp với bản tiếng Anh;
- Điều 19 bản tiếng Việt: sửa tiêu đề của Điều này thành “Giải quyết bất đồng” và sửa nội dung của Điều này thành “ Mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn hoặc thương lượng giữa các Bên ký kết”. Trong bản tiếng Anh, đề nghị sửa thành “...by consultations or negotiations...”
- Điều 20 bản tiếng Việt: sửa tên thành “Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực” và sửa lại nội dung như sau:
  1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên ký kết bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ để Hiệp định có hiệu lực.
  2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và sẽ chấm dứt hiệu lực sau sau (06) tháng kể từ ngày một Bên ký kết nhận được thông báo bằng văn bản của Bên ký kết kia về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.
- Tại phần cuối bản tiếng Việt: sửa lại thành “Làm tại..., ngày...tháng...năm...thành hai (02) bản tiếng Việt, tiếng A-déc-bai-gian và tiếng Anh, tất cả các văn

**Không tiếp thu:** do nội dung này phù hợp với cơ cấu cơ quan hải quan phía bạn và cũng không ảnh hưởng đến nội dung của dự thảo.

		<p>bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở”</p> <p>- Thay từ “Vietnam” bằng “Viet Nam” trong toàn bộ văn bản tiếng Anh</p> <p><b>2. Về thủ tục ký kết</b></p> <p>- Thực hiện theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 về việc lấy ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến các Bộ, ngành hữu quan khác trước khi trình Chính phủ cho phép ký Hiệp định</p>	
3	<b>Bộ Công Thương</b>	<p>- Nhất trí với chủ trương, sự cần thiết đàm phán và nội dung dự thảo Hiệp định</p> <p>- <b>Đề xuất:</b> Đối với nội dung về Hành động chống lại việc vận chuyển trái phép hàng hóa nhạy cảm được quy định tại Điều 6, cần xem xét, bổ sung thêm điều khoản về việc các cơ quan Hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu sẽ không chậm trễ cung cấp cho nhau các thông tin có liên quan đến việc vận chuyển trái phép hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất, nhập khẩu theo quy định của mỗi Bên</p>	<b>Không tiếp thu:</b> do nội dung này đã được quy định tại Điều 8, do đó không cần thiết bổ sung thêm điều khoản này.
4	<b>Bộ Quốc phòng</b>	<p>- Nhất trí với nội dung dự thảo Hiệp định</p> <p>- <b>Đề xuất:</b></p> <p>+ Bổ sung một số thuật ngữ, từ ngữ để tạo sự đồng nhất và bổ sung quy định “bảo mật thông tin” để đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn thông tin trong quá trình triển khai thực hiện Hiệp định</p> <p>+ Bổ sung nội dung: “Trên cơ sở tuân thủ pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia của mỗi Bên” vào phần Lời nói</p>	<p><b>Không tiếp thu:</b> do nội dung này đã được quy định tại Khoản 3 Điều 11 dự thảo Hiệp định. Mặt khác, nội dung về “bảo mật thông tin” tuân thủ theo quy định của từng quốc gia. Bảo mật chỉ đòi hỏi nguyên tắc đồng nhất.</p> <p><b>Không tiếp thu:</b> do nội dung này đã được quy định tại Khoản 2,3 Điều 2 dự</p>

	<p><b>đầu</b></p> <p>+ Bổ sung định nghĩa về “Lãnh thổ hải quan” để tạo sự đồng nhất trong triển khai thực hiện HĐ</p> <p>+ Do phạm vi thông tin được xác định tại HĐ đa dạng, vì thế việc thực thi triển khai HĐ cần có chế tài (thu thập và cung cấp thông tin) và có sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan phù hợp theo quy định, luật pháp của mỗi nước để đảm bảo không cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích kinh tế, thương mại, đầu tư,... của Việt Nam.</p>	<p><b>thảo Hiệp định</b></p> <p><b>Không tiếp thu:</b> do các điều khoản của Hiệp định không đề cập đến Lãnh thổ Hải quan nên đề nghị không đưa định nghĩa này vào Hiệp định.</p> <p><b>Không tiếp thu:</b> các quy định cụ thể về chế tài và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc cung cấp thông tin đã được quy định tại các quy định của Việt Nam về các loại thông tin không được cung cấp nếu có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích kinh tế...</p>
--	---	--

**AGREEMENT  
BETWEEN  
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
AND  
THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF AZERBAIJAN  
REGARDING COOPERATION AND MUTUAL ASSISTANCE  
IN CUSTOMS MATTERS**

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Azerbaijan, hereinafter referred to as the Parties,

Considering that offences against customs legislation are prejudicial to the economic, fiscal and social interests of their respective States as well as to the legitimate interests of trade,

Considering the importance of ensuring the accurate assessment of customs payments collected on the importation or exportation of goods and the proper implementation of the provisions of prohibition, restriction and control,

Convinced that actions to prevent offences against customs legislation and efforts to ensure accurate collection of import and export duties and taxes can be made more effective through cooperation between the Customs Authorities of their States,

Considering that illicit trafficking in narcotic drugs and psychotropic substances constitutes a danger to public health and to society,

Having regard to the Recommendation of the Customs Cooperation Council on Mutual Administrative Assistance of December 5, 1953,

Having regard also to the provisions of the Single Convention on Narcotic Drugs of March 30, 1954, as amended by the 1955 Protocol amending the Single Convention on Narcotic Drugs 1954, the Convention on Psychotropic Substances of February 21, 1971 and the Convention Against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances of December 20, 1988 all drawn up under the auspices of the United Nations Organization,

Have agreed as follows:

**Article 1  
DEFINITIONS**

For the purposes of this Agreement the following definition shall apply:

1. "customs legislation" means provisions and administration or any other customs regime implemented by the Customs Authority of the Party relating to the import, export and transit of goods and means of transport on entry, exit or in transit including the provisions related to customs procedures, customs duties, taxes and other charges applied or collected by Customs Authorities and pertaining to measures of prohibition, restriction and control. ;

2. "Customs Authority" means in the Socialist Republic of Viet Nam, the General Department of Viet Nam Customs and in the Republic of Azerbaijan, the State Customs Committee; ;

3. "Customs offences" means any violation of customs legislation as well as any attempted violation of such legislation;

4. "Person" means any natural or legal person;

5. "Information" means any data, documents, reports, certified or authenticated copies thereof and other communications;

6. "Intelligence" means any information, which has been processed and/or analyzed to provide an indication relevant to the customs offences;

7. "Requested Customs Authority" means the Customs Authority of the State of a Party, which receives a request for assistance in customs matters;

8. "Requesting Customs Authority" means the Customs Authority of the State of a Party, which makes a request for assistance in customs matters;

9. "Narcotic drugs" means agents add to the list of Single Convention on Narcotic drugs 1961 with amendments, introduced in accordance with the 1972 Protocol amending the Single Convention on Narcotic drugs 1961;

10. "Psychotropic substances" means agents added to the lists of the Convention on psychotropic substances 1971;

11. "Precursors" means chemical agents and solvents, used during illegal production of narcotic drugs and psychotropic substances in accordance with the Convention against illicit traffic in narcotic drugs and psychotropic substances 1988;

12. "Sensitive goods" means substances mentioned in Article 6 of this Agreement.

## Article 2

### SCOPE OF AGREEMENT

The Parties, through their Customs Authorities, shall in accordance with the provisions set out in this Agreement:



- a) Undertake measures in order to facilitate and expedite movement of goods;
- b) Assist each other in prevention-of customs offences;
- c) Endeavour to cooperate in the research, development and testing of new customs procedures, in the training and exchange of personnel and in other matters that may require their joint efforts;
- d) Applying joint efforts in improving customs techniques.

2. Mutual assistance within the framework of this Agreement shall be rendered in accordance with the legislation in force in the territory of the State of the Party and within the competence and resources of the Requested Customs Authority.

3. No provisions in this Agreement shall be interpreted in a manner, which would restrict mutual assistance practices presently in effect between the Parties.

### **Article 3**

#### **FACILITATION OF CUSTOMS FORMALITIES**

1. The Customs Authorities shall, upon mutual consent, undertake necessary measures to facilitate customs procedures in order to facilitate and expedite movement of goods between the territories of the State of both Parties.

2. The Customs Authorities can, upon mutual consent, recognize uniform applicable forms of customs documents in English.

### **Article 4**

#### **FORMS OF COOPERATION AND MUTUAL ASSISTANCE**

1. The Customs Authorities shall provide each other on their own initiative or upon request, with all necessary information in accordance with the provisions of this Agreement.

2. The Customs Authorities shall:

a) Exchange experience relating to their activities and the information about new means and methods of committing customs offences;

b) Inform each other about substantial changes of the customs laws of their States, as well as about technical means of customs control and methods of their application and also discuss other matters of mutual interest.

3. Customs Authorities shall provide each other technical assistance in the area of customs matters including:

- a) Exchange of customs officers when mutually beneficial for the purpose of advancing the understanding of each other's customs techniques;
- b) Training and assistance in developing specialized skills of the customs officers;
- c) Exchange of information and experience in the use of the technical equipment for control purposes;
- d) Exchange of visiting experts in customs matters;
- e) Exchange of professional, scientific and technical data relating to customs legislation, regulations and procedures.

#### **Article 5**

#### **SURVEILLANCE OF GOODS AND MEANS OF TRANSPORT**

The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request of the Customs Authorities of the State of the other Party, maintain surveillance over:

- a) Goods being moved by persons who committed offence or suspected of doing so in the territory of the State of the Party;
- b) Movements of goods and means of payment which are reported by the Customs Authorities of the State of the other Party as giving rise to substantial illicit traffic into or from the territory of the State of the other Party or are suspicious thereof;
- c) Any means of transport known to be, or suspected of being, used for committing offences against customs legislation of the State of the other Party;

#### **Article 6**

#### **ACTION AGAINST ILLICIT TRAFFIC OF SENSITIVE GOODS**

The Customs Authorities shall, on their own initiative or upon request and without delay, supply to each other all relevant information on activities, detected or planned, which constitute or appear to constitute an offence against the customs legislation in force in the territory of the State of one of the Parties in the field of:

- a) Movement of arms, ammunition, explosives and explosive devices;
- b) Movement of narcotic drugs, psychotropic substances and its precursors;

c) Movement of objects of art and antiquity, which present significant historical, cultural or archaeological value for one of the Parties;

d) Movement of substances dangerous for the environment and the public health;

e) Movement of goods subject to substantial customs duties or taxes and goods subject to non-tariff limitation;

## **Article 7**

### **COMMUNICATION OF INFORMATION OF OTHERS**

1. The Customs Authorities shall, on their own initiative or upon request, supply to each other with all information, which may help to ensure accuracy in:

a) The collection of customs payments levied by the Customs Authorities and, in particular, information which may help to assess correctly the value of goods for customs purposes and to establish their tariff classification;

b) The implementation of import, export and transit prohibitions and restrictions or relieves from customs duties, taxes and other charges;

c) The application of national rules of origin.

2. If the Requested Customs Authority does not have the information asked for, it shall seek that information as if acting on its own account in accordance with the laws of its State.

## **Article 8**

### **INFORMATION ON GOODS, PERSON AND MEANS OF TRANSPORT**

1. The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request, supply to the Customs Authority of the State of the other Party with the following information:

a) Whether goods imported into the territory of the State of the requesting Customs Authority have been lawfully exported from the territory of the State of the other Customs Authority;

b) Whether goods exported from the territory of the State of the Requesting Customs Authority have been lawfully imported into the territory of the State of the other Customs Authority.

2. The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request, supply to the Customs Authority of the State of the other Party the following information:

- a) Persons known to be, or suspected of, committing offences against customs laws in force in the territory of the State of the other Party;
- b) Goods known to be, or suspected of being, the subject of illicit traffic;
- c) Means of transport known to be, or suspected of being, used in committing offences against customs legislation in force in the territory of the State of the other Party.

### **Article 9**

#### **FILES AND DOCUMENTS**

1. The Customs Authority of the State of one Party, shall on its own initiative or upon request, supply to the Customs Authority of the other Party with reports, records of evidence or copies of documents and other available information on activities, completed or planned, which constitute or appear to constitute an offence against the customs legislation in force in the territory of the State of that Party.

2. The documents provided for in this Agreement may be replaced by computerized information produced for the same purpose. All relevant information for the interpretation or utilization of the material should be supplied at the same time.

### **Article 10**

#### **INQUIRIES**

1. If the Customs Authority of the State of one Party so requests, the Customs Authority of the State of the other Party shall initiate all official inquiries concerning operations which are, or appear to be, contrary to the customs legislation in force in the territory of the State of the requesting Customs Authority. It shall communicate the results of such inquiries to the requesting Customs Authority.

2. These inquiries shall be conducted under the laws in force in the territory of the State of the requested Customs Authority. The requested Customs Authority shall proceed as if it were acting on its own account.

## **Article 11**

### **USE OF INFORMATION AND INTELLIGENCE**

1. Information and intelligence received under this Agreement, shall be used solely for the purposes of this Agreement. They shall not be communicated or used for any other purposes unless the Customs Authority furnishing them expressly approves.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article are not applicable to information and intelligence concerning offences relating to narcotic drugs and psychotropic substances. Such information and intelligence may be communicated to other authorities directly involved in the combat of illicit traffic of narcotic drugs, psychotropic substances and their precursors.

3. Requests, information, reports of experts and other communications received by the Customs Authority of the State of one Party in whatever form pursuant to this Agreement shall be afforded the same confidentiality by the Receiving Customs Authority as is afforded to documents and information of the same kind under the national laws of the State of that Party.

## **Article 12**

### **EXCEPTIONS FROM THE LIABILITY TO RENDER ASSISTANCE**

1. If the Customs Authority of the State of one Party considers that compliance with the request would be prejudicial to the sovereignty, security, public order or any other essential interest of the State of that Party it may refuse to provide the assistance requested under this Agreement, wholly or partially, or provide it subject to certain conditions or requirements.

2. If assistance is refused, the decision and the reasons for the refusal shall be notified in writing to the Requesting Customs Authority without delay.

3. If the Customs Authority of the State of one Party requests assistance that it would not itself be able to provide, it shall draw attention to that fact in the request. Compliance with such a request shall be within the discretion of the Requested Customs Authority.

## **Article 13**

### **FORM AND SUBSTANCE OF REQUEST FOR ASSISTANCE**

1. Requests pursuant to the present Agreement shall be made in writing. Documents necessary for the execution of such requests shall accompany the request. When required because of the urgency of the situation, oral or e-mail request may be accepted, but must be confirmed officially in writing immediately.

2. Requests pursuant to paragraph 1 of this Article shall include the following information:

- a) The name of the Requesting Customs Authority;
- b) Nature of the proceedings and the measure requested;
- c) The object of and the reason for the request;
- d) Laws, regulations and other legal elements involved;
- e) Indications as exact and comprehensive as possible on the persons being the target of the investigations;
- f) Summary of the relevant facts.

3. Requests shall be submitted in an official language of the State of the Requested Customs Authority, in English or in another language acceptable to the Requested Customs Authority.

4. If a request does not meet the formal requirements, its correction or completion may be demanded. It cannot however cause the delay of any actions that must be undertaken immediately.

#### **Article 14**

#### **COSTS**

1. Expenses incurred by the Requested Customs Authority in carrying out a request under this Agreement shall be borne by that Customs Authority excluding expenses for experts and interpreters other than government employees.

2. Reimbursement of other expenses incurred in performance of this Agreement may be a subject of a special arrangement in between the Customs Authorities.

3. Expenses and allowances paid to experts, as well as costs of translators and interpreters, other than Government employees, shall be borne by the Requesting Customs Authority.

#### **Article 15**

#### **IMPLEMENTATION**

1. Assistance provided under this Agreement shall be rendered directly by the Customs Authorities. Those authorities shall mutually agree on detailed arrangements for that purpose.

2. The Customs Authorities may arrange for their central and local enforcement, investigation and other services to be in direct communication with each other.

#### **Article 16**

### **TERRITORIAL APPLICABILITY**

This Agreement shall be applicable on the customs territory of the Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Azerbaijan.

#### **Article 17**

### **ADDITIONS AND AMENMENTS**

Any additions and amendments may be made to this Agreement by mutual consent of the Parties. Such additions and amendments shall be made in a form of separate protocols being an integral part of this Agreement and shall enter into force in accordance with the provisions of Article 20.

#### **Article 18**

### **SETTLEMENT OF DISAGREEMENTS**

Any disagreement that may arise from the interpretation or application of this Agreement shall be resolved by consultations or negotiations between the Parties.

#### **Article 19**

### **ENTRY INTO FORCE AND TERMINATION**

1. This Agreement is concluded for an indefinite period of time and shall enter into force on the date of receipt by the Parties of the last written notification through diplomatic channels confirming the completion of their necessary internal procedures required for the entry into force of this Agreement.

2. The Parties may terminate this Agreement by submitting a written notification through diplomatic channels. This Agreement shall cease its effect after six (6) months of receiving such notification.

3. The termination of this Agreement shall not affect the implementation of ongoing programs which have been agreed upon prior to the date of such termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Government, have signed this Agreement.

Done in \_\_\_\_\_ on \_\_\_\_\_, in duplicate, in the Vietnamese, Azerbaijan and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

**For the Government of the  
Socialist Republic of Viet Nam**

**For the Government of the  
Republic of Azerbaijan**



**HIỆP ĐỊNH  
GIỮA  
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VÀ  
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA A-ĐÉC-BAI-GIAN  
VỀ HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ HÀNH CHÍNH LẦN NHAU  
VỀ CÁC VẤN ĐỀ HẢI QUAN**

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ A-đéc-bai-gian, sau đây gọi là "Các Bên",

Nhận thấy rằng những vi phạm pháp luật hải quan gây phương hại tới các lợi ích kinh tế, tài chính và xã hội của các quốc gia có liên quan cũng như tới lợi ích hợp pháp của thương mại;

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xác định chính xác các khoản thu hải quan của hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu cũng như việc thực hiện các quy định cấm, hạn chế và kiểm soát hàng hoá;

Nhận thức rằng hành động ngăn chặn các vi phạm pháp luật Hải quan và các nỗ lực đảm bảo thu đúng thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác có thể được thực hiện hiệu quả hơn thông qua việc hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan Hải quan của các quốc gia;

Nhận thấy rằng việc buôn lậu ma tuý và các chất hướng thần gây hiểm hoạ cho sức khoẻ cộng đồng và ảnh hưởng đến xã hội;

Trên cơ sở Khuyến nghị của Hội đồng hợp tác Hải quan về Hỗ trợ hành chính ngày 5 tháng 12 năm 1953.

Và cũng trên cơ sở các điều khoản quy định trong Công ước chung về Ma tuý ngày 30 tháng 3 năm 1961, được điều chỉnh theo Nghị định thư năm 1972 Công ước về các chất hướng thần ngày 21 tháng 2 năm 1971 và Công ước chống buôn bán bất hợp pháp Ma tuý và các chất hướng thần ngày 20 tháng 12 năm 1988 của Tổ chức liên hợp quốc,

Đã thỏa thuận như sau:

**Điều 1**

**ĐỊNH NGHĨA**

Theo Hiệp định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Pháp luật Hải quan" có nghĩa là các quy định pháp lý và hành chính hoặc bất kể các chế độ Hải quan nào khác do Cơ quan Hải quan của các Bên thực thi có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh bao gồm các quy định liên quan đến thủ tục hải

quan, thuế hải quan, các loại phí và các loại thuế khác được Cơ quan Hải quan áp dụng hoặc thu và các biện pháp cấm, hạn chế và kiểm soát.

2. "Cơ quan Hải quan" có nghĩa là: tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - Tổng cục Hải quan; và tại nước Cộng hòa A-déc-bai-gian - Ủy ban Hải quan Quốc gia.

3. "Vi phạm hải quan" có nghĩa là bất kỳ vi phạm hoặc cố tình vi phạm pháp luật Hải quan;

4. "Người" có nghĩa là thể nhân hoặc pháp nhân;

5. "Thông tin" có nghĩa là dữ liệu, báo cáo, chứng từ hoặc bản sao chứng thực hoặc xác nhận tương ứng và các thư tín trao đổi;

6. "Thông tin tình báo" có nghĩa là bất kể thông tin nào đã được xử lý và/hoặc phân tích nhằm cung cấp bằng chứng về vi phạm hải quan có liên quan;

7. "Cơ quan Hải quan được yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan của Chính phủ một Bên nhận được yêu cầu trợ giúp về các vấn đề hải quan;

8. "Cơ quan Hải quan yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan của Chính phủ một Bên đưa ra yêu cầu trợ giúp về các vấn đề hải quan;

9. "Ma túy" có nghĩa là bất kỳ chất nào được liệt kê trong Danh sách của Công ước chung về Ma túy năm 1961 và các sửa đổi phù hợp với Nghị định thư năm 1972 về các sửa đổi đối với Công ước chung về Ma túy 1961;

10. "Chất hướng thần" có nghĩa là bất kể chất nào được liệt kê trong các Danh sách của Công ước quốc tế về các Chất hướng thần năm 1971;

11. "Tiền chất" có nghĩa là các chất hoá học và dung môi được sử dụng để sản xuất trái phép ma túy hoặc các chất hướng thần theo Công ước quốc tế năm 1988 về các biện pháp chống vận chuyển trái phép ma túy và các chất hướng thần.

12. "Hàng hoá nhạy cảm" có nghĩa là các hàng hoá đề cập trong Điều 6 của Hiệp định này.

## Điều 2

### PHẠM VI CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Các Bên, thông qua Cơ quan Hải quan của mình và theo những điều khoản quy định trong Hiệp định này, sẽ:

a. tiến hành các biện pháp nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy việc di chuyển hàng hoá;

b. hỗ trợ lẫn nhau trong việc ngăn chặn các vi phạm hải quan;

c. hợp tác trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các thủ tục hải quan mới, trong đào tạo và trao đổi nhân lực và các vấn đề khác mà cả hai bên cùng quan tâm;

- d. Cùng nỗ lực nâng cao nghiệp vụ hải quan.
2. Hỗ trợ lẫn nhau trong khuôn khổ của Hiệp định này được thực hiện phù hợp với luật pháp hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của một Bên và trong khả năng cũng như nguồn lực của Cơ quan Hải quan được yêu cầu.
3. Không có điều khoản quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là làm hạn chế những thông lệ hỗ trợ lẫn nhau hiện đang có hiệu lực giữa các Bên.

### **Điều 3**

## **TẠO THUẬN LỢI VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN**

1. Theo thoả thuận lẫn nhau, các Cơ quan Hải quan sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để tạo thuận lợi trong thủ tục hải quan nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy việc di chuyển hàng hoá qua lại giữa lãnh thổ quốc gia của hai Bên;
2. Theo thoả thuận lẫn nhau, các Cơ quan Hải quan có thể chấp nhận các hình thức chứng từ hải quan thích hợp chung bằng tiếng Anh.

### **Điều 4**

## **CÁC HÌNH THỨC HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ LẦN NHAU**

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, các Cơ quan Hải quan sẽ cung cấp cho nhau tất cả các thông tin cần thiết phù hợp với các quy định của Hiệp định này.
2. Các Cơ quan Hải quan sẽ:
  - a. trao đổi kinh nghiệm liên quan đến các hoạt động của mình và thông tin về các cách thức và phương thức vi phạm hải quan mới;
  3. b. thông báo cho nhau các thay đổi cơ bản của luật hải quan của hai quốc gia cũng như các phương tiện kỹ thuật kiểm soát hải quan và các cách thức áp dụng cũng như thảo luận các vấn đề khác mà cả hai Bên cùng quan tâm. Các Cơ quan Hải quan có thể cung cấp cho nhau hỗ trợ kỹ thuật trong các vấn đề hải quan, như sau:
    - a. Trao đổi các nhân viên hải quan vì lợi chung khi tìm hiểu các nghiệp vụ hải quan của nhau;
    - b. Đào tạo và hỗ trợ tăng cường nghiệp vụ chuyên môn cho các nhân viên Hải quan;
    - c. Trao đổi thông tin và kinh nghiệm về sử dụng các công cụ kỹ thuật để phục vụ cho mục đích kiểm soát;
    - d. Trao đổi các chuyên gia về các vấn đề Hải quan;
    - e. Trao đổi các thông tin chuyên môn, khoa học và kỹ thuật liên quan tới pháp luật, thủ tục Hải quan.

### **Điều 5**

## **GIÁM SÁT HÀNG HOÁ VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu của Cơ quan Hải quan của một Bên, Cơ quan Hải quan của Bên kia sẽ tiến hành duy trì các biện pháp kiểm soát đối với:

- a. Hàng hóa được vận chuyển bởi người đã vi phạm hoặc bị nghi ngờ vi phạm pháp luật Hải quan tại lãnh thổ quốc gia Bên đó;
- b. việc di chuyển của hàng hoá và phương thức thanh toán đã được Cơ quan Hải quan của Bên kia thông báo mà cho thấy dấu hiệu vận chuyển trái phép khối lượng lớn vào hoặc ra lãnh thổ của Bên kia hoặc các việc di chuyển của hàng hoá và phương thức thanh toán có nghi ngờ;
- c. phương tiện vận tải đã biết hoặc nghi ngờ được sử dụng cho vi phạm pháp luật hải quan của Bên kia;

#### **Điều 6**

### **HÀNH ĐỘNG CHỐNG LẠI VIỆC VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP HÀNG HÓA NHẠY CẢM**

Các Cơ quan hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu sẽ không chậm trễ cung cấp cho nhau các thông tin có liên quan đến các hành động, đã bị phát hiện hoặc đang nằm trong kế hoạch, mà cấu thành hoặc có vẻ cấu thành nên vi phạm pháp luật hải quan hiện hành tại lãnh thổ quốc gia của một trong các Bên về những nội dung sau:

- a. việc di chuyển vũ khí, đạn dược, chất nổ và các đầu dẫn nổ;
- b. việc di chuyển ma túy, các chất hướng thần và tiền chất của nó;
- c. việc di chuyển các tác phẩm nghệ thuật và đồ cổ có giá trị văn hoá, lịch sử hoặc khảo cổ học của mỗi Bên;
- d. việc di chuyển của các chất độc hại đối với môi trường và sức khoẻ cộng đồng;
- e. việc di chuyển hàng hoá có thuế suất cao hoặc hàng hoá tuân theo giới hạn phi thuế quan;

#### **Điều 7**

### **TRAO ĐỔI THÔNG TIN KHÁC**

1. Các Cơ quan Hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, sẽ cung cấp cho nhau tất cả thông tin có thể giúp cho đảm bảo tính chính xác trong việc:

- a. Thu các khoản thuế hải quan do Cơ quan Hải quan phụ trách, đặc biệt là các thông tin có thể giúp xác định trị giá Hải quan chính xác cũng như quyết định về phân loại hàng hoá;
- b. việc thực hiện các quy định về hạn chế và cấm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng quá cảnh, hoặc các hàng hoá được miễn thuế hải quan, thuế và các loại phí khác;
- c. việc áp dụng quy tắc xuất xứ quốc gia.

2. Nếu Cơ quan Hải quan được yêu cầu không có thông tin mà họ được yêu cầu cung cấp thì họ sẽ phải tìm kiếm thông tin đó một cách nỗ lực sao cho phù hợp với các quy định của luật pháp quốc gia của mình.

#### **Điều 8**

### **THÔNG TIN VỀ HÀNG HOÁ, NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu, Cơ quan Hải quan của một Bên sẽ cung cấp cho Cơ quan Hải quan của Bên kia các thông tin sau:

a. Hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan yêu cầu có được xuất khẩu hợp pháp từ lãnh thổ quốc gia của Bên kia hay không;

b. Hàng hóa xuất khẩu từ lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan yêu cầu có được nhập khẩu hợp pháp sang lãnh thổ quốc gia của Bên kia hay không;

2. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu, Cơ quan Hải quan của một Bên này sẽ cung cấp cho Cơ quan Hải quan của Bên kia các thông tin sau:

a. người được biết đã vi phạm hoặc nghi ngờ vi phạm pháp luật hải quan trong lãnh thổ quốc gia của Bên kia;

b. hàng hoá, đã biết hoặc nghi ngờ là đối tượng vận chuyển trái phép;

c. phương tiện vận tải, đã biết hoặc nghi ngờ được sử dụng trong các vi phạm pháp luật Hải quan hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Bên kia.

#### **Điều 9**

### **TÀI LIỆU VÀ CHỨNG TỪ**

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, Cơ quan Hải quan của một Bên sẽ cung cấp cho Cơ quan Hải quan của Bên kia các hồ sơ, bằng chứng hoặc các bản sao tài liệu và các thông tin có sẵn về các hành động, đã hoàn tất hoặc đang nằm trong kế hoạch, cấu thành hoặc có dấu hiệu cấu thành nên vi phạm pháp luật hải quan hiện hành tại lãnh thổ quốc gia của Bên đó.

2. Các chứng từ cung cấp theo Hiệp định này có thể được thay thế bởi các thông tin điện tử để phục vụ cho cùng mục đích. Tất cả các thông tin có liên quan nhằm hiểu và sử dụng tài liệu cũng phải được cung cấp cùng theo đó.

#### **Điều 10**

### **YÊU CẦU**

1. Nếu Cơ quan Hải quan của quốc gia của một Bên có yêu cầu, Cơ quan Hải quan quốc gia của Bên kia phải thực hiện các yêu cầu chính thức có liên quan đến các hoạt động đã xác định là chắc chắn hoặc có dấu hiệu trái với pháp luật hải quan hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan yêu cầu. Cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ thông báo các kết quả của việc thực hiện yêu cầu cho Cơ quan Hải quan yêu cầu.

2. Các yêu cầu này phải được thực hiện theo luật pháp hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Cơ quan Hải quan được yêu cầu. Cơ quan Hải quan được yêu cầu phải thực hiện một cách cố gắng nhất.

#### **Điều 11**

### **SỬ DỤNG THÔNG TIN VÀ THÔNG TIN TÌNH BÁO**

1. Thông tin và thông tin tình báo nhận được trong khuôn khổ quy định của Hiệp định này chỉ được sử dụng cho mục đích của Hiệp định này. Các thông tin này sẽ không được trao đổi hoặc sử dụng cho bất kể mục đích nào khác trừ khi Cơ quan Hải quan cung cấp thông tin hoàn toàn cho phép.

2. Các quy định trong khoản 1 của Điều này không áp dụng đối với các thông tin và thông tin tình báo có liên quan đến các vụ vi phạm liên quan đến ma túy và các chất hướng thần. Các thông tin và thông tin tình báo này có thể được trao đổi với các cơ quan chức năng khác trực tiếp liên quan đến việc đấu tranh chống lại việc vận chuyển ma túy trái phép, các chất hướng thần và tiền chất của các chất đó.

3. Các yêu cầu, thông tin, báo cáo của các chuyên gia và các thông tin liên lạc khác do Cơ quan Hải quan của một Bên nhận được dưới bất kể hình thức nào theo Hiệp định này sẽ phải được đảm bảo tính bảo mật tương tự bởi Cơ quan Hải quan nhận giống như các chứng từ và thông tin cùng loại theo quy định quốc gia của Bên đó.

#### **Điều 12**

### **CÁC TRƯỜNG HỢP TỪ CHỐI HỖ TRỢ**

1. Nếu Cơ quan Hải quan của một Bên nhận thấy việc thực hiện yêu cầu có thể vi phạm chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc bất cứ lợi ích thiết yếu của bên mình thì họ có thể từ chối cung cấp hỗ trợ được yêu cầu theo Hiệp định này toàn phần hoặc một phần, hoặc chỉ cung cấp hỗ trợ được yêu cầu theo các giới hạn và điều kiện nhất định.

2. Trong trường hợp yêu cầu hỗ trợ bị từ chối thì quyết định và các lý do từ chối phải thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho Cơ quan Hải quan yêu cầu.

3. Nếu Cơ quan Hải quan của một Bên có yêu cầu được hỗ trợ mà chính họ không thể cung cấp thì Bên yêu cầu phải đề cập tới điều đó trong yêu cầu của mình. Việc đáp ứng với một yêu cầu như vậy sẽ do Bên được yêu cầu xem xét.

#### **Điều 13**

### **HÌNH THỨC VÀ CÁCH GỬI YÊU CẦU HỖ TRỢ**

1. Các yêu cầu trợ giúp thực hiện theo Hiệp định này sẽ được làm dưới dạng văn bản. Để thực hiện yêu cầu thì các chứng từ cần thiết phải được gửi kèm với yêu cầu đó. Trong một số trường hợp ngoại lệ khẩn cấp, cũng có thể chấp nhận yêu cầu bằng lời hoặc thư điện tử, nhưng ngay sau đó phải khẳng định lại bằng văn bản.

2. Các yêu cầu thực hiện theo Khoản 1 của Điều này phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Tên Cơ quan Hải quan yêu cầu;
- b. Bản chất của quá trình và các các biện pháp yêu cầu;
- c. Đối tượng và lý do yêu cầu;
- d. Quy định của pháp luật và các yếu tố pháp lý khác liên quan;
- e. Dữ liệu chi tiết và toàn diện đến mức có thể về người có liên quan trong cuộc điều tra;
- f. Bản tóm tắt các dữ kiện có liên quan.

3. Yêu cầu phải được làm bằng ngôn ngữ quốc gia chính thức của Cơ quan Hải quan được yêu cầu, bằng tiếng Anh hoặc một ngôn ngữ khác được Cơ quan Hải quan được yêu cầu chấp nhận.

4. Nếu yêu cầu không đáp ứng các quy định về hình thức thì có thể đề nghị sửa chữa hoặc hoàn chỉnh. Tuy nhiên điều này không thể gây ra sự cản trở đối với bất kỳ hành động nào mà phải được thực hiện ngay lập tức.

#### **Điều 14 CHI PHÍ**

1. Các chi phí phát sinh của Cơ quan Hải quan được yêu cầu khi thực hiện yêu cầu theo Hiệp định này sẽ do cơ quan Hải quan đó chịu ngoại trừ các chi phí cho các chuyên gia và cho các phiên dịch và biên dịch viên không phải công chức nhà nước.

2. Việc hoàn trả các chi phí khác phát sinh trong việc thực hiện Hiệp định này có thể là một nội dung của một thoả thuận đặc biệt giữa các Cơ quan Hải quan.

3. Các khoản phí tổn và chi phí chuyên gia, cũng như các chi phí cho biên dịch và phiên dịch không phải là công chức nhà nước, sẽ do Cơ quan yêu cầu chi trả

#### **Điều 15 THỰC HIỆN**

1. Hỗ trợ được đề cập trong Hiệp định này, sẽ được thực hiện trực tiếp bởi các Cơ quan Hải quan. Các cơ quan này sẽ cùng thoả thuận cụ thể với nhau cho mục đích này.

2. Các Cơ quan Hải quan có thể thu xếp để các đơn vị điều tra chống buôn lậu cấp trung ương và địa phương của mình liên hệ trực tiếp với nhau.

#### **Điều 16 LÃNH THỔ ÁP DỤNG**

Hiệp định này sẽ được áp dụng trong lãnh thổ hải quan của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và lãnh thổ hải quan của Cộng hòa A-déc-bai-gian.

#### **Điều 17 SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG**

Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung với sự nhất trí của các Bên. Các sửa đổi và bổ sung được thực hiện bằng các nghị định thư riêng biệt, các nghị định thư này là một phần không tách rời của Hiệp định và có hiệu lực theo thủ tục quy định tại Điều 20.

**Điều 18**  
**GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG**

Mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn hoặc thương lượng giữa các Bên.

**Điều 19**  
**HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC**

1. Hiệp định này có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày một Bên nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

3. Việc chấm dứt thực hiện Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các hoạt động hợp tác đang được thực hiện theo thỏa thuận trước ngày chấm dứt.

VỚI SỰ LÀM CHỨNG, các đại diện được uỷ quyền của các Chính phủ liên quan dưới đây đã ký Hiệp định này.

Làm tại.....ngày tháng năm thành hai (02) bản tiếng Việt, tiếng A-đéc-bai-gian và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau.

Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC  
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM**

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC  
CỘNG HÒA A-ĐÉC-BAI-GIAN**



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 326 /BNG-LPQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2015

V/v góp ý dự thảo Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ A-đéc-bai-gian.

BỘ TÀI CHÍNH

NGÀY ĐẾN: 02-02-2015

SỐ CV ĐẾN: 010984

HẢI QUAN

Số:

06-02-2015

Kính gửi: Bộ Tài chính

huyền:

Phúc Công văn số 620/BTC-TCHQ ngày 16/01/2015 của Quý Bộ đề nghị góp ý dự thảo Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ A-đéc-bai-gian, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Việc ký Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan với A-đéc-bai-gian sẽ giúp hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại và trao đổi hàng hóa giữa hai nước. Do đó, Bộ Ngoại giao nhất trí về chủ trương đàm phán, ký Hiệp định nói trên, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước.

2. Về nội dung của dự thảo Hiệp định, đề nghị Quý Bộ cân nhắc một số điểm sau:

2.1. Đề nghị thống nhất sử dụng thuật ngữ "*Bên*", "*các Bên*" trong bản tiếng Việt để phù hợp với bản tiếng Anh hoặc thống nhất sử dụng thuật ngữ "*Contracting Party*", "*Contracting Parties*" trong bản tiếng Anh để phù hợp với bản tiếng Việt.

2.2. Tại Điều 1, đề nghị thống nhất sử dụng cụm từ "*có nghĩa là*" sau các thuật ngữ được định nghĩa.

2.3. Tại khoản 5, Điều 1 bản tiếng Việt, đề nghị thay cụm từ "*công chứng*" bằng cụm từ "*chứng thực*" để phù hợp hơn với bản tiếng Anh và quy định hiện hành của Việt Nam về chứng thực, công chứng.

2.4. Tại khoản 1, Điều 2 bản tiếng Anh, đề nghị thay cụm từ "*the Customs Authorities of their States*" bằng cụm từ "*their Customs Authorities*" để phù hợp với bản tiếng Việt.

2.5. Tại khoản 1, Điều 3 bản tiếng Việt đề nghị sửa cụm từ "*hai quốc gia Ký kết*" thành "*các Bên ký kết*".

2.6. Tại khoản 1, Điều 10 bản tiếng Việt, đề nghị bỏ cụm từ "*của quốc gia*"; tại bản tiếng Anh, đề nghị bỏ cụm từ "*of the State*".

2.7. Tại Điều 18 bản tiếng Việt, đề nghị sửa lại thành “*Hiệp định này có thể được sửa đổi và bổ sung với sự nhất trí của các Bên ký kết. Các sửa đổi và bổ sung được thực hiện bằng các nghị định thư riêng biệt, các nghị định thư này là một phần không tách rời của Hiệp định và có hiệu lực theo thủ tục quy định tại Điều 20*” để phù hợp với bản tiếng Anh.

2.8. Tại Điều 19 bản tiếng Việt, đề nghị sửa tiêu đề của Điều này thành “*Giải quyết bất đồng*” và sửa nội dung của Điều này thành “*Mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn hoặc thương lượng giữa các Bên ký kết*”. Trong bản tiếng Anh, đề nghị sửa thành “...by consultations or negotiations...”.

2.9. Tại Điều 20 bản tiếng Việt, đề nghị sửa tên của Điều này thành “*Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực*” để phù hợp với bản tiếng Anh và sửa lại nội dung của Điều này như sau:

1. *Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên ký kết bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ để Hiệp định có hiệu lực.*

2. *Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày một Bên ký kết nhận được thông báo bằng văn bản của Bên ký kết kia về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.*

2.10. Tại phần cuối cùng bản tiếng Việt, đề nghị sửa lại thành “*Làm tại..., ngày...tháng...năm...thành hai (02) bản bằng tiếng Việt, tiếng A-déc-bai-gian và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở*”.

2.11. Về kỹ thuật văn bản:

- Đề nghị rà soát lại nội dung để đảm bảo sự chính xác và thống nhất giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, ví dụ khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 10, v.v...

- Đề nghị thay từ “*Vietnam*” bằng từ “*Viet Nam*” trong toàn bộ văn bản tiếng Anh để phù hợp với quy định của Thông tư số 03/2009/TT-BNG ngày 09/7/2009 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn dịch Quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ công chức trong hệ thống hành chính nhà nước sang tiếng Anh để giao dịch đối ngoại.

- Đề nghị thực hiện nguyên tắc đảo chiều, theo đó, trong bản do phía Việt Nam giữ để tên cơ quan và tổ chức của Việt Nam lên trước phía Bạn trong toàn bộ văn bản và ở bên trái tại phần ký.

3. Về thủ tục:

Đề nghị Quý Bộ lưu ý thực hiện đúng quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 về việc lấy ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại

giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến của các Bộ, ngành hữu quan khác trước khi trình Chính phủ cho phép ký Hiệp định nói trên.

Trên đây là ý kiến của Bộ Ngoại giao đề Quý Bộ tham khảo, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục LS, Vụ C&U;
- Lưu: HC, LPQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Hồ Xuân Sơn**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **899** /BCT-KV2

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm **2015**

V/v góp ý đối với dự thảo Hiệp định  
hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau  
trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam  
và A-déc-bai-gian

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐIỀU 3 -02- 2015
Chuyên: .....

Kính gửi: Bộ Tài chính v

<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>
NGÀY ĐẾN: 29 -01- 2015
SỐ CV ĐẾN: 0010077

Trả lời công văn số 620/BTC-TCHQ ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc góp ý đối với dự thảo Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

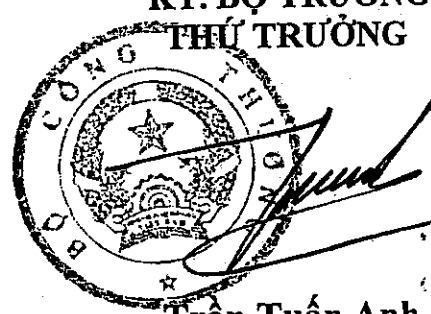
Bộ Công Thương nhất trí về sự cần thiết đàm phán cũng như nội dung dự thảo Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian do Bộ Tài chính soạn thảo.

Tuy nhiên, đối với nội dung về Hành động chống lại việc vận chuyển trái phép hàng hóa nhạy cảm được quy định tại Điều 6, đề nghị quý Bộ xem xét, bổ sung thêm điều khoản về việc các cơ quan Hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu sẽ không chậm trễ cung cấp cho nhau các thông tin có liên quan đến việc vận chuyển trái phép hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất, nhập khẩu theo quy định của mỗi Bên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục XNK;
- Lưu: VT, KV2.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



**Trần Tuấn Anh**

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

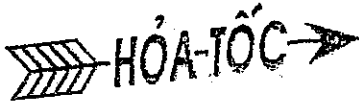
Số: 703 /BQP-ĐN

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2015

V/v xúc tiến đàm phán và ký kết Hiệp  
định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn  
nhau trong lĩnh vực hải quan giữa Việt  
Nam và A-déc-bai-gian

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
Số:	02-02-2015
Chuyển:	

HỘ TÀI CHÍNH	
NGÀY ĐẾN:	28-01-2015
SỐ CV ĐẾN:	009530

 HÒA-TỐC

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp công văn số 620/BTC-TCHQ ngày 16/01/2015 của Bộ Tài chính về việc xúc tiến đàm phán và ký kết Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

- Về cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa A-déc-bai-gian về hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau về các vấn đề hải quan do Bộ Tài chính chuẩn bị.

- Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc bổ sung một số nội dung:

+ Đề nghị bổ sung nội dung: "Trên cơ sở tuân thủ pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia của mỗi Bên" vào phần Lời nói đầu của dự thảo Hiệp định.

+ Bổ sung định nghĩa về "Lãnh thổ hải quan" để tạo sự đồng nhất trong triển khai thực hiện Hiệp định;

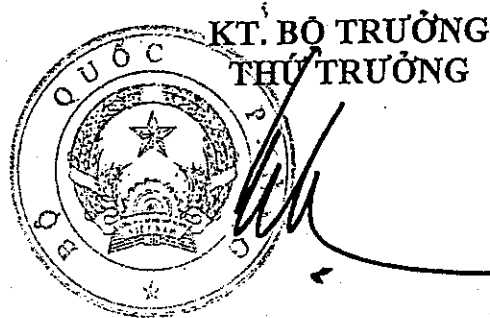
+ Bổ sung quy định "bảo mật thông tin" để đảm bảo an toàn trong quá trình triển khai thực hiện Hiệp định;

+ Do phạm vi thông tin được xác định tại Hiệp định đa dạng, vì thế việc thực thi triển khai Hiệp định cần có chế tài (thu thập và cung cấp thông tin) và có sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan phù hợp theo quy định, luật pháp của mỗi nước để bảo đảm không cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích kinh tế, thương mại, đầu tư, ... của Việt Nam.

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu tổng hợp theo quy định./ *thuc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- C23, C40, C54;
- Đ/c CVP C20;
- Lưu: VT, ĐN; N8.



Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh

## BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 467/BTP-PLQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2015

V/v Xúc tiến đàm phán và ký kết Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
Số:	.....
<b>ĐẾN</b>	26-02-2015
Chuyển:	.....

<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>	
NGÀY ĐẾN:	13-02-2015
SỐ CV ĐẾN:	016068

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 620/BTC-TCHQ ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Quý Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian (sau đây gọi là dự thảo Hiệp định), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

### 1. Sự cần thiết của việc ký kết Hiệp định

Bộ Tư pháp nhận thấy việc ký kết Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian là cần thiết nhằm thiết lập mối quan hệ hợp tác chính thức giữa Hải quan hai nước để tạo thuận lợi cho thương mại song phương.

### 2. Về tính hợp hiến và mức độ phù hợp của dự thảo Hiệp định với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan

Bộ Tư pháp nhận thấy, dự thảo Hiệp định không trái với Hiến pháp năm 2013 và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật trong nước liên quan đến lĩnh vực hải quan như: Luật Hải quan năm 2014, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Bên cạnh đó, nội dung của dự thảo Hiệp định phù hợp với Điều 1 (Các mục tiêu), Điều 2 (Các nguyên tắc) của Hiến chương ASEAN năm 2007 cũng như các cam kết của Việt Nam với WTO.

### 3. Về nội dung của dự thảo Hiệp định

Về cơ bản, Bộ Tư pháp nhất trí với các nội dung đã được nêu trong dự thảo Hiệp định. Tuy nhiên, để dự thảo Hiệp định hoàn thiện hơn đề nghị Quý Bộ cân nhắc thêm một số vấn đề sau:

**Thứ nhất**, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc khái niệm "Pháp luật hải quan" tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Hiệp định để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật trong nước có liên quan.

**Thứ hai,** Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc trao đổi với phía A-déc-bai-gian xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian.

**Thứ ba,** về việc chấm dứt hiệu lực Hiệp định, đề nghị Quý Bộ bổ sung thêm quy định về việc giữ nguyên hiệu lực của các hoạt động hợp tác trong lĩnh vực hải quan giữa các bên đang triển khai khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực nhằm thúc đẩy thương mại song phương giữa hai nước.

**Thứ tư,** Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ rà soát tổng thể để đảm bảo tính logic, chặt chẽ của các điều khoản tại dự thảo Hiệp định, ví dụ như:

- Điều 4 có tiêu đề: “Các hình thức và hỗ trợ lẫn nhau”. Điều này chỉ quy định về việc trao đổi thông tin, trong khi việc hợp tác, hỗ trợ còn diễn ra dưới nhiều hình thức khác nữa như cung cấp hỗ trợ kỹ thuật (quy định tại Điều 14 dự thảo Hiệp định).

- Điều 5 đến Điều 9 dự thảo Hiệp định quy định về các trường hợp cung cấp các loại thông tin khác nhau. Tuy nhiên, riêng Điều 7 dự thảo Hiệp định lại có tiêu đề chung là cung cấp thông tin. Bộ Tư pháp nhận thấy tên gọi của Điều 7 chưa thực sự hợp lý. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa tên gọi cho phù hợp.

**Thứ năm,** về mặt kỹ thuật, đề nghị Quý Bộ rà soát, chỉnh lý các lỗi kỹ thuật trong dự thảo Hiệp định.

#### 4. Về thủ tục ký kết Hiệp định

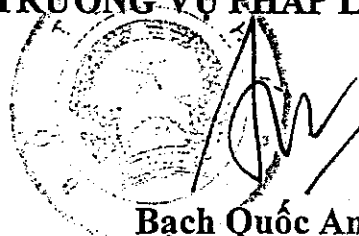
Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian là điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ. Do đó, thủ tục ký kết Hiệp định này cần được Quý Bộ thực hiện theo quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 (Điều 12, Điều 20, Điều 27).

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Hiệp định hợp tác và hỗ trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực Hải quan giữa Việt Nam và A-déc-bai-gian, xin gửi đề Quý Bộ tham khảo./. *Ước*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Lưu VT, Vụ PLQT (N).

**TL. BỘ TRƯỞNG  
Q. VỤ TRƯỞNG VỤ RHÁP LUẬT QUỐC TẾ**

  
**Bạch Quốc An**